TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CỬA LÒ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/ HNGĐ - ST
Ngày: 19-07-2023
(V/v tranh chấp hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Lĩnh Thái

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Mai.

2. Bà Nguyễn Thị Việt Nga.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trọng Nghĩa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An *tham gia phiên tòa*: Bà Phan thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/07/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980. Có mặt

HKTT: Khối 4, phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện nay: Khối 3, phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Võ Văn B, sinh năm 1976. Có mặt

Địa chỉ: Khối 4, phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn; các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày:*

- Về tình cảm: Chị và anh Võ Văn B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, không ai ép buộc. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2008 tại UBND phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với nhau tại khối 4, phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Đến năm 2010 anh B đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Đến đầu năm 2013, anh B về nước, cuối năm 2013, anh B lại đi xuất khẩu lao động đến năm 2016 thì về nước. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do thiếu tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng cãi vã, anh B đánh đập chị nhiều lần nên chị đã mang hai con về nhà bố mẹ chị sinh sống nhưng anh B tiếp tục hăm dọa nên chị đã đưa hai con về cho anh B còn chị thì đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Đến đầu năm 2023 chị về nước nhưng vợ chồng vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Võ Quốc H, sinh ngày 27/7/2009 và cháu Võ Thị Thảo V, sinh ngày 01/10/2013. Hiện nay, hai cháu đang sinh sống cùng anh B tại khối 4, phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu V và giao cháu H cho anh B nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung: Trước đây vợ chồng có mua bảo hiểm Prudentinal nhưng sau đó chị đã chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và nhận được số tiền 14.624.100 đồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng nên chị đồng ý giao cho anh B một nửa số tiền bảo hiểm này là 7.312.050 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- Về khoản nợ: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

** Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Văn B trình bày:*

- Về tình cảm: Anh đồng ý với chị K về điều kiện, thời gian kết hôn còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2010 thì anh đi xuất khẩu lao động đến đầu năm 2013

thì về nước. Đến cuối năm 2013 thì anh lại đi xuất khẩu lao động đến năm 2016 về nước. Quá trình chung sống thì vợ chồng có đôi lúc cãi nhau nhưng không đến mức căng thẳng và có lần anh cũng tát vợ 02 cái nhưng sau đó lại B thường. Khi anh về nước thì anh hỏi tiền anh gửi về trong quá trình đi xuất khẩu lao động thì chị K nói rằng gửi ở tiệm vàng và cho họ mượn, sau đó đến ngày anh hỏi tiền để mua đất thì chị K bỏ về ngoại cho đến nay và sau này anh cũng nghe nói rằng chị K có ngoại tình với người khác chứ hoàn toàn không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh thống nhất với chị K, vợ chồng có 02 con chung là cháu Võ Quốc H, sinh ngày 27/7/2009 và cháu Võ Thị Thảo V, sinh ngày 01/10/2013. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng anh tại khối 4, phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Nay nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con thì tùy thuộc vào chị K, chứ anh không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh đồng ý tài sản chung của vợ chồng là số tiền bảo hiểm đã rút là 14.624.100 đồng. Anh đồng ý chị K phải trả cho anh một nửa số tiền bảo hiểm này là 7.312.050 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- Về khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn trình bày của các cháu Võ Quốc Hưng và Võ Thị Thảo Vy:* Các cháu đều có nguyện vọng được sống với bố.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và HĐXX trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thời hạn, không có vi phạm gì; Việc xét xử tại phiên tòa đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị K, anh B; Về con chung: Giao cháu Võ Quốc H, sinh ngày 27/07/2009 cho anh B và giao cháu Võ Thị Thảo V, sinh ngày 01/10/2013 cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai; Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn B. Chị K được hưởng số tiền 7.312.050 đồng (bảy triệu ba trăm mười hai nghìn

không trăm năm mươi đồng) và có nghĩa vụ giao lại cho anh Võ Văn B số tiền: 7.312.050 đồng (bảy triệu ba trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi đồng); Về nợ: Miễn xét; Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 75.000 *(bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 182.800 *(một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0001385 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị K 42.200 *(bốn mươi hai nghìn hai trăm)* đồng. Anh B phải chịu 75.000 *(bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 182.800 *(một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh B còn phải nộp 257.800 *(hai trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm)* đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Vụ án thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn anh Võ Văn B có hộ khẩu thường trú và cư trú tại khối 4, phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An do đó Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò thụ lý và giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/01/2008. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị K trình bày vợ chồng mâu thuẫn do thiếu tin tưởng lẫn nhau, thường cãi vã, anh B đánh đập chị nhiều lần. Anh B cho rằng chị K ngoại tình nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Mặt khác, tuy anh B không đồng ý với nguyên nhân mâu thuẫn chị K trình bày nhưng anh B cũng đồng ý vợ chồng không còn tình cảm và cũng thống

nhất ly hôn chị K nên có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị K và anh B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn B theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Võ Quốc H, sinh ngày 27/7/2009 và cháu Võ Thị Thảo V, sinh ngày 01/10/2013. Quá trình giải quyết vụ án, chị K có nguyện vọng nuôi cháu Thảo V và giao cháu H cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và cũng không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, chị K và anh B vẫn giữ nguyên ý kiến, không thỏa thuận được về con chung. Tuy cháu H và cháu V đều có nguyện vọng được sống cùng anh B nhưng xét thấy quá trình giải quyết vụ án, anh B trình bày mới bị tai nạn, chưa có công việc, thu nhập không ổn định. Tại phiên tòa, anh B trình bày đi bán hàng ở thành phố Vinh với thu nhập 10.000.000 đồng/tháng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Chị K hiện đang sinh sống cùng bố mẹ tại khối 3, phường T, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An và làm việc tại Nhà hàng 123 Zô Zô với thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Cháu Thảo Vy là con gái sắp đến độ tuổi trưởng thành. Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Chính vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho các cháu về phát triển tâm sinh lý, giới tính, điều kiện sinh hoạt, học tập và để phù hợp hoàn cảnh kinh tế của chị K, anh B thì cần giao cháu Thảo V cho chị K và giao cháu H cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai là phù hợp.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn B thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là số tiền bảo hiểm mà chị Nguyễn Thị K đã rút là 14.624.100 đồng. Nay, chị K và anh B thống nhất thỏa thuận chia đôi số tiền này. Do số tiền trên hiện chị K đang quản lý nên chị K được hưởng 7.312.050 đồng (bảy triệu ba trăm mười hai nghìn không trăm năm

mươi đồng) và có nghĩa vụ giao lại cho anh B 7.312.050 đồng (bảy triệu ba trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi đồng).

[2.4] Về nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 75.000 *(bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 182.800 *(một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0001385 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị K 42.200 *(bốn mươi hai nghìn hai trăm)* đồng. Anh B phải chịu 75.000 *(bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 182.800 *(một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh B còn phải nộp 257.800 *(hai trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm)* đồng án phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Thảo V, sinh ngày 01/10/2013 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu Võ Quốc H, sinh ngày 27/7/2009 cho anh Võ Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị K, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn B. Chị K được hưởng số tiền 7.312.050 đồng (bảy triệu ba trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi đồng) và có nghĩa vụ giao lại cho anh Võ Văn B số tiền: 7.312.050 đồng (bảy triệu ba trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi đồng).

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 75.000 *(bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 182.800 *(một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0001385 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị K 42.200 *(bốn mươi hai nghìn hai trăm)* đồng. Anh B phải chịu 75.000 *(bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 182.800 *(một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh B còn phải nộp 257.800 *(hai trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm)* đồng án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- Chi cục THADS thị xã Cửa Lò;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Lĩnh Thái